

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Phát triển năng lượng Sơn Hà

Ngày 15/01/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.2%	0.2%	-7.8%

DT thuần
Q4/23

49.4
tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50 | -3.0%
YoY: ▼30.5 | -38.2%

LN thuần
Q4/23

10.3
tỷ VNĐ

QoQ: ▲6.54 | 174%
YoY: ▲3.12 | 43.6%

LN sau thuế
Q4/23

8.65
tỷ VNĐ

QoQ: ▲5.56 | 180%
YoY: ▲1.69 | 24.3%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

15.1%

YoY: +/-▲ 3.9%

ROE
2023

13.7%

YoY: +/-▼ 3.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,348 - 11,940
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
Số lượng CPLH (CP)	11,502,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,930
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.31
EPS	1,547
P/E	5.6

DT thuần
2023

185
tỷ VNĐ

YoY: ▼79.0 | -30.0%

LN thuần
2023

18.8
tỷ VNĐ

YoY: ▼0.70 | -3.3%

LN sau thuế
2023

17.8
tỷ VNĐ

YoY: ▼1.80 | -9.3%

Cơ cấu cổ đông

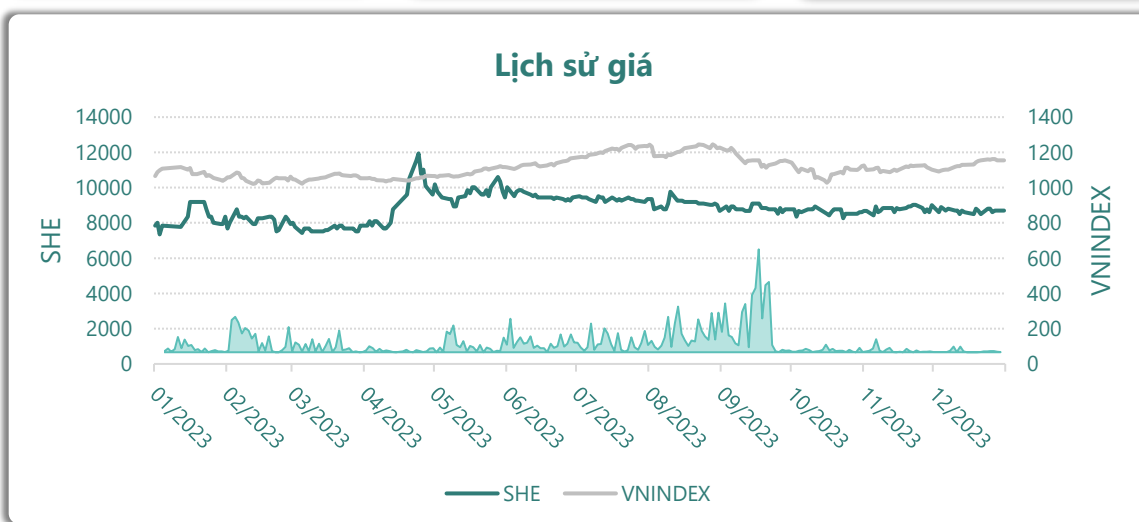
- CTCP Quốc tế Sơn Hà
- Hoàng Mạnh Tân (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Đàm Quang Hùng
- Trần Anh Tuấn

(Nguồn: fireant.vn)

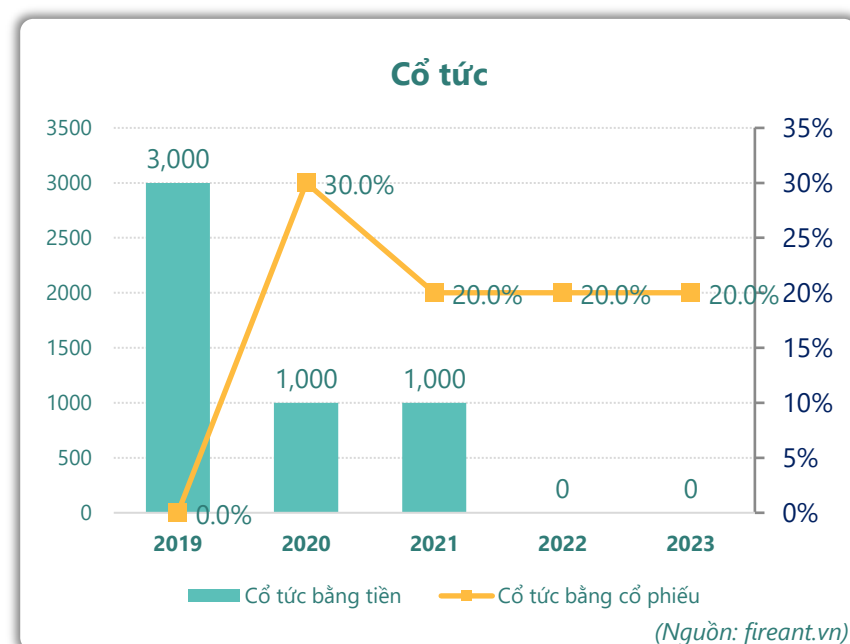
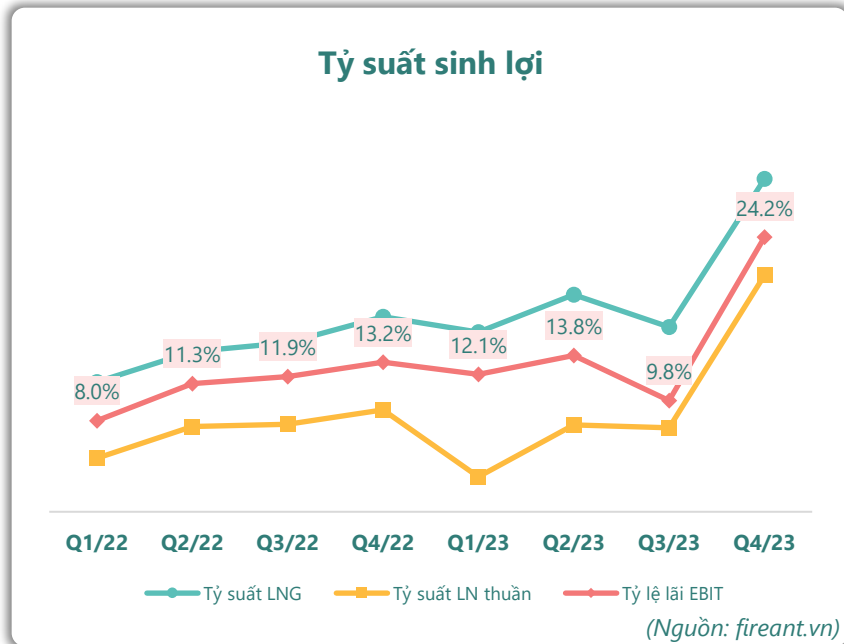
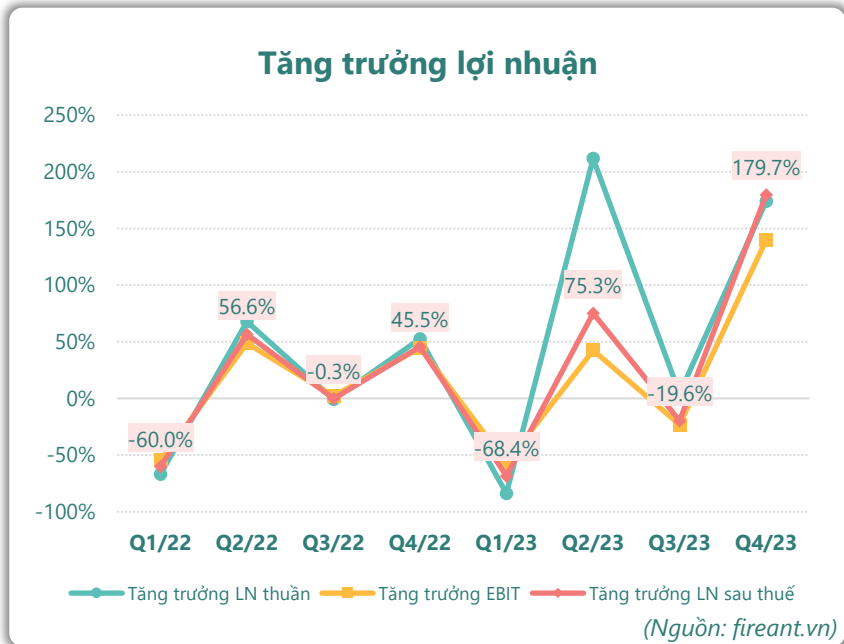
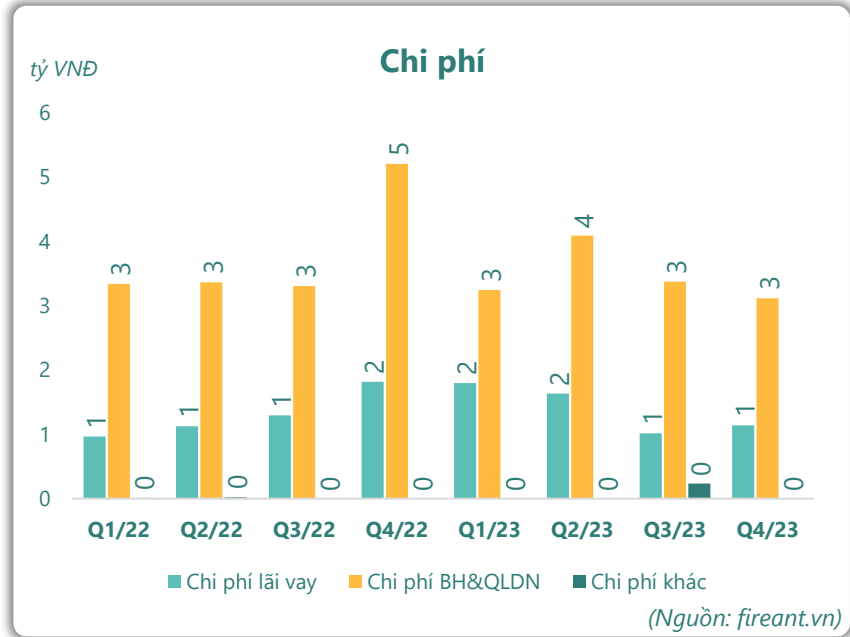
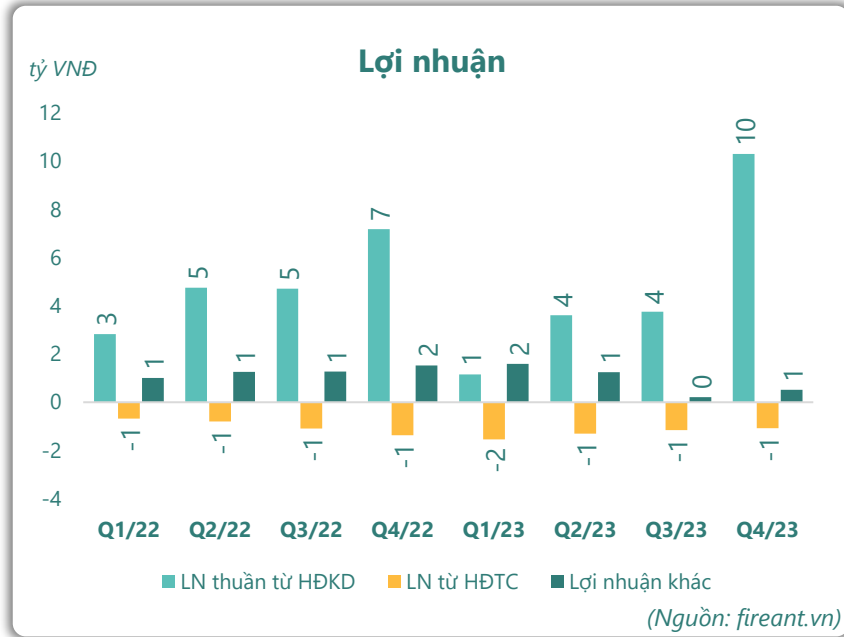
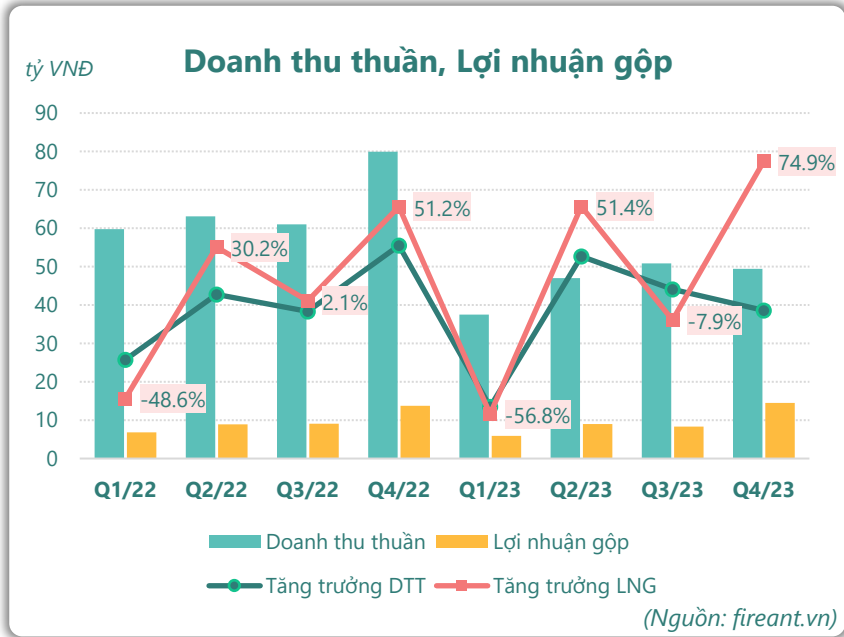
Cơ cấu sở hữu

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)



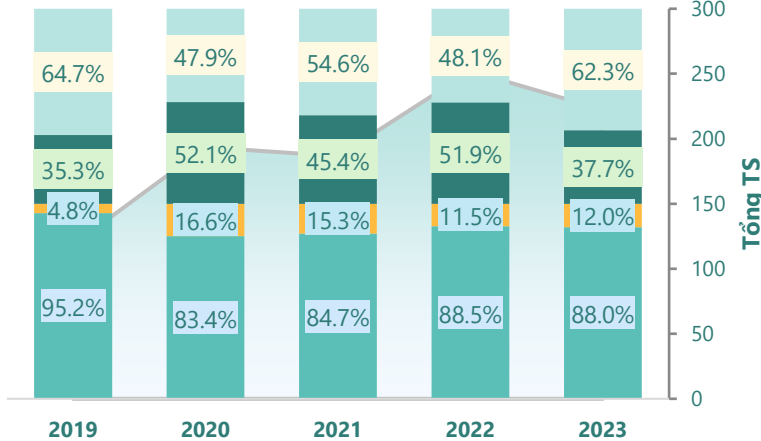
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

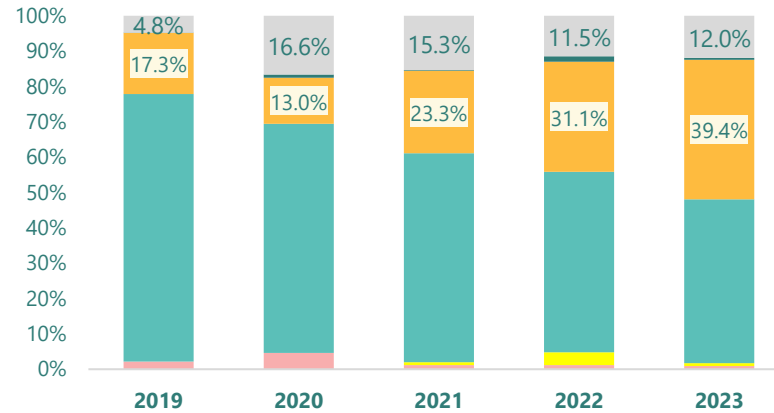
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

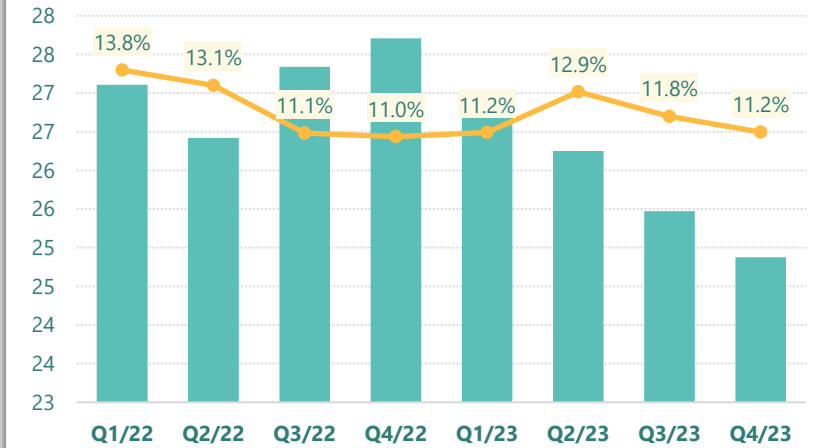


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

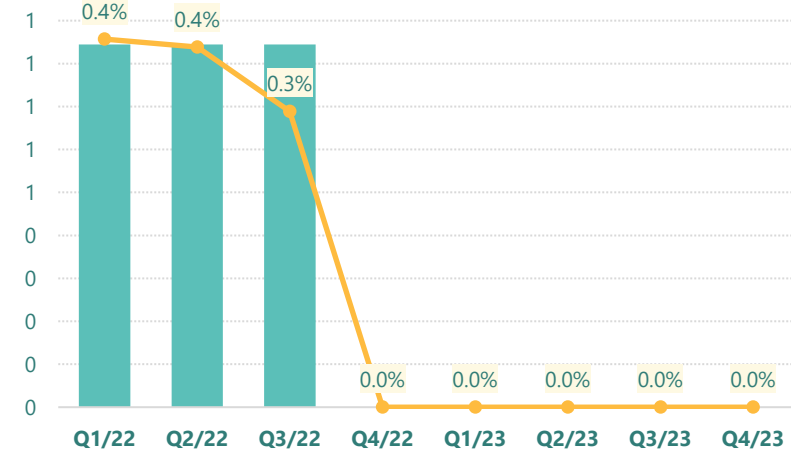


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

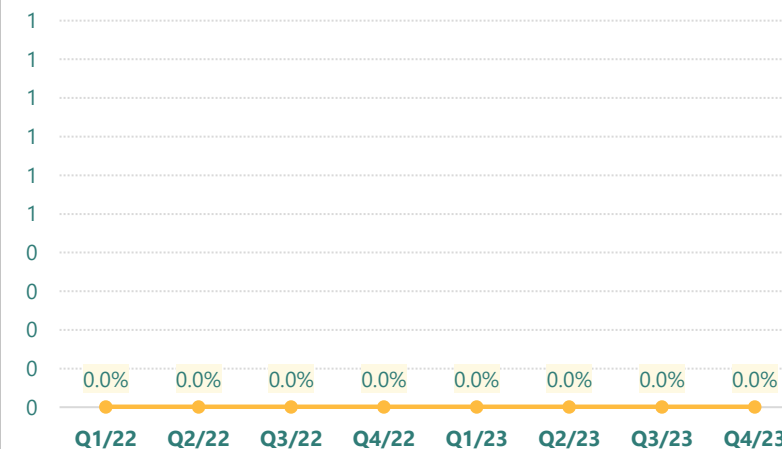


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

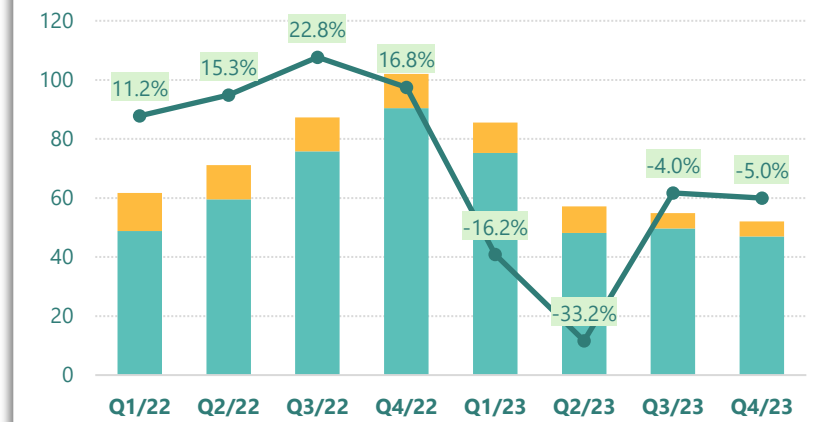


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

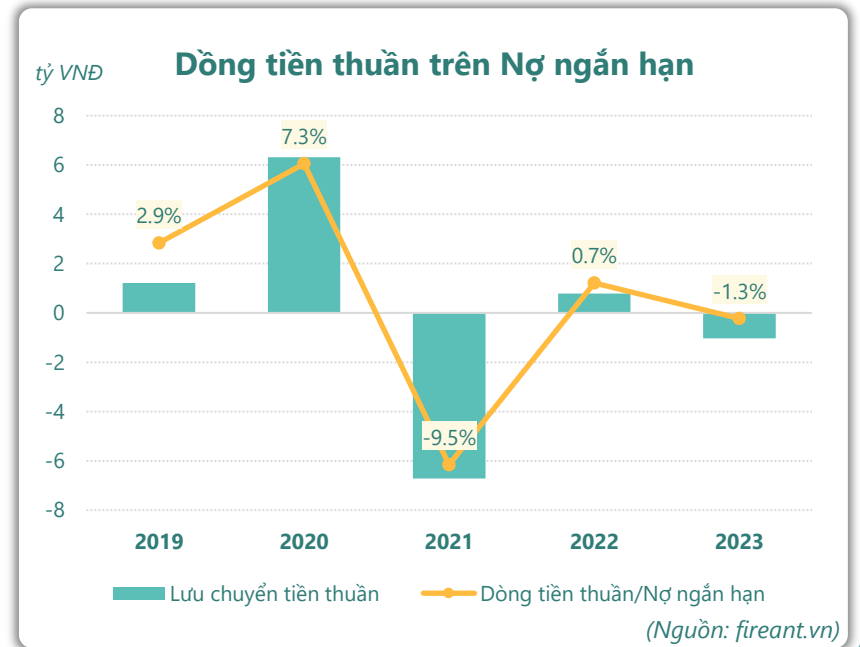
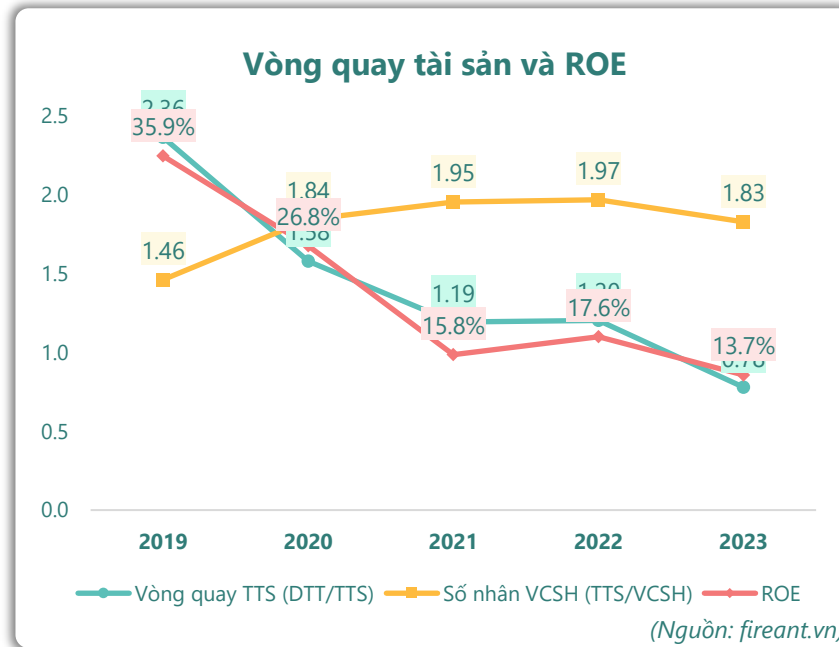
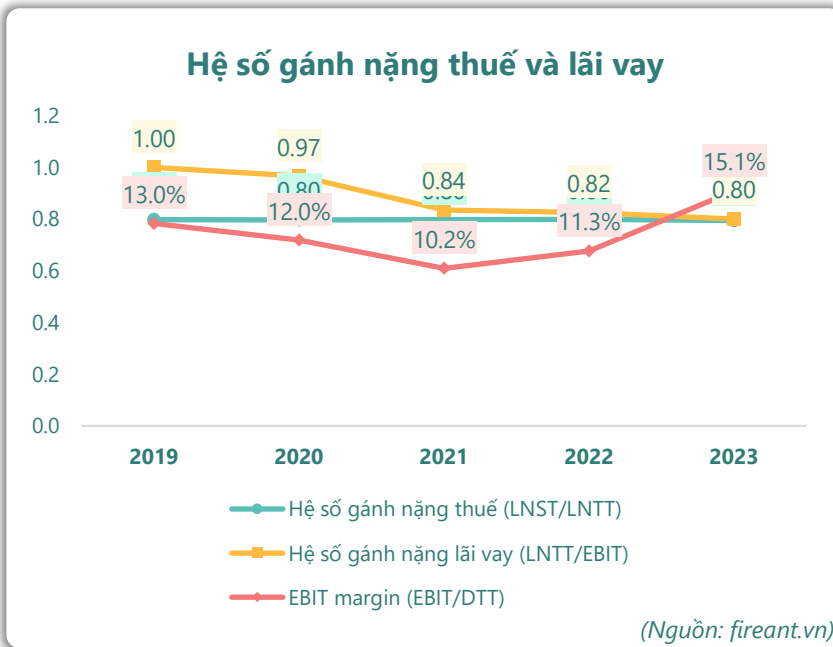
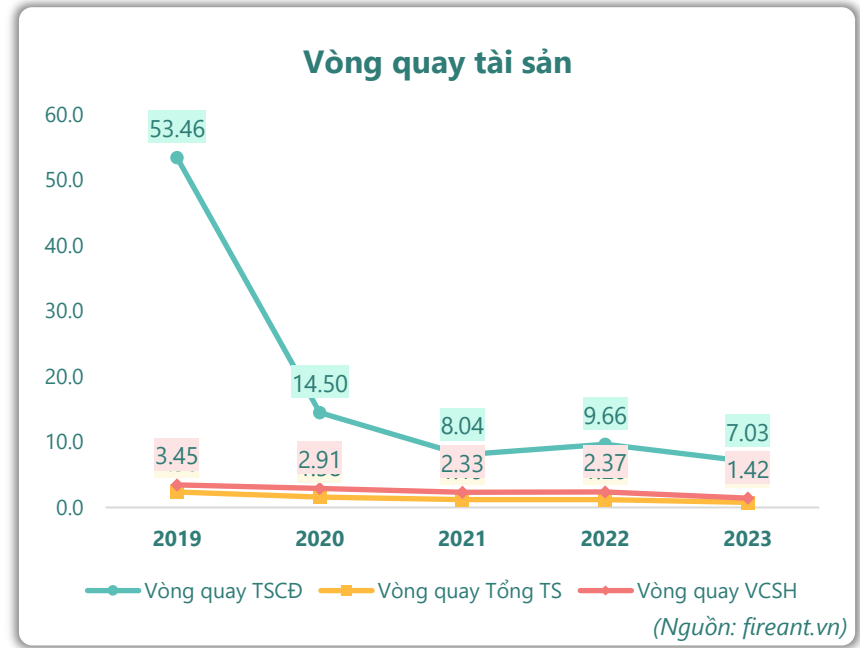
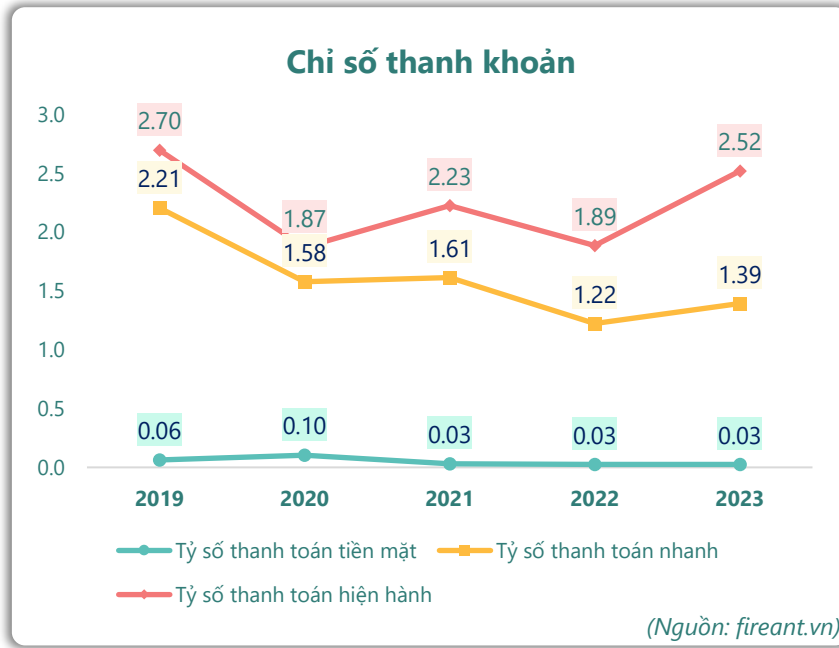
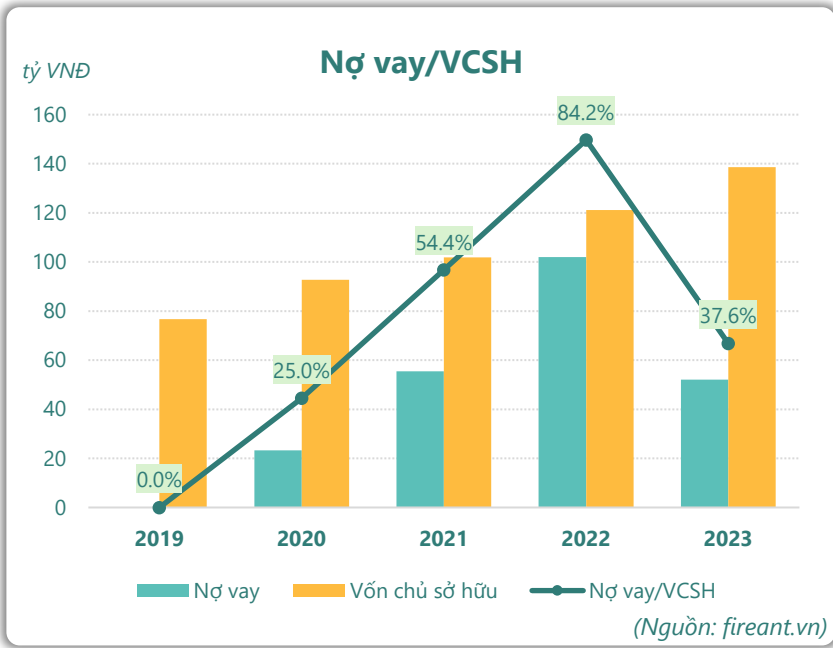


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	49.4	79.9	-38.2%	185	264	-30.0%
Giá vốn hàng bán	34.9	66.2	-47.3%	147	225	-34.7%
Lợi nhuận gộp	14.5	13.8	5.1%	37.7	38.6	-2.3%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.56	-82.0%	0.83	1.49	-44.7%
Chi phí TC	1.18	1.93	-39.0%	5.90	5.41	9.0%
Chi phí lãi vay	1.14	1.82	-37.2%	5.59	5.21	7.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.20	2.25	-46.7%	5.13	4.97	3.3%
Chi phí QLDN	1.92	2.96	-35.2%	8.70	10.3	-15.2%
LN thuần từ HĐKD	10.3	7.18	43.6%	18.8	19.5	-3.3%
Lợi nhuận khác	0.52	1.53	-66.2%	3.56	5.07	-29.7%
LN trước thuế	10.8	8.72	24.1%	22.4	24.5	-8.7%
Lợi nhuận sau thuế	8.65	6.96	24.3%	17.8	19.6	-9.3%
LNST của CĐ cty mẹ	8.65	6.96	24.3%	17.8	19.6	-9.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.7	-13.0	7.44	27.9	-7.55	2.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.95	-2.44	6.33	2.63	8.52	1.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.2	14.7	-16.5	-30.4	-0.27	-2.76
Tiền đầu kỳ	1.22	3.73	2.98	0.25	0.36	1.06
Lưu chuyển tiền thuần	2.51	-0.75	-2.73	0.11	0.70	0.90
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.73	2.98	0.25	0.36	1.06	1.96

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	222	252	-11.8%
Tài sản ngắn hạn	196	223	-12.3%
Tiền và tương đương tiền	1.96	2.98	-34.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.90	9.15	-79.2%
Phải thu ngắn hạn	103	129	-19.9%
Hàng tồn kho	87.6	78.4	11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	3.99	-70.2%
Tài sản dài hạn	26.6	28.9	-7.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.9	27.7	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.70	1.16	46.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.8	131	-36.0%
Nợ ngắn hạn	77.6	118	-34.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.9	90.4	-48.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.9	20.5	1.9%
Nợ dài hạn	6.14	12.6	-51.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.17	11.6	-55.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	121	14.4%
Vốn chủ sở hữu	139	121	14.4%
Vốn điều lệ	115	95.9	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)